

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber, WhatsApp, Wechat)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



MẪU BẢN DỊCH HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG SONG NGỮ VIỆT TRUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

越南社会主义共和国

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

独立 - 自由 - 幸福

ABC 有限公司

CÔNG TY TNHH ABC

厂房建筑施工合同

**HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG NHÀ
XƯỞNG**

Số hợp đồng 合同编号:

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber, WhatsApp, Wechat)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



MẪU BẢN DỊCH HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG SONG NGỮ VIỆT TRUNG

CÔNG TRÌNH:

工程:

ĐỊA ĐIỂM:

地点:

HẠNG MỤC: Công trình xây dựng cơ sở hạ tầng dân dụng, lắp đặt điện nước, cơ sở hạ tầng và hệ thống cấp thoát nước

项目: 土建工程、水电安装、给排水及基础设施

- Căn cứ bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

根据经由越南社会主义共和国 2005/06/14, 有效的编号 33/2005/QH11 民事法;

- Căn cứ Luật xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 04.

依据 2003/11/26 第十一届国会第四次会议 16/2003/QH11 号建筑法;

- Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ký ngày 12/02/2009 của Chính phủ ban hành về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

依据 2009/02/12 政府颁布的投资管理建设项目之第 12/2009/NĐ-CP 号议定;

- Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

依据 2013/02/06 政府发布关于建设工程质量管理事宜之 15/2013/NĐ-CP 号议定;

- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên

根据双方的需求与能力

Hôm nay, ngày 06 tháng 11 năm 2016

今天, 2016 年 11 月 06 日

Chúng tôi gồm có:

我们包括:

BÊN A: CÔNG TY TNHH ABC

甲方 (甲方): ABC 有限公司

Người đại diện pháp luật: ông

法定代表人: 先生

Địa chỉ:

地址:

Điện thoại:

电话号码:

MST:

税号:

BÊN B: CÔNG TY TNHH XYZ

乙方 (乙方): XYZ 有限公司

Người đại diện pháp luật: ông

法定代表人: 先生

Địa chỉ:

地址:

Chức vụ: Tổng giám đốc

职务: 总经理

Fax:

传真:

Chức vụ: Giám Đốc Kinh Doanh

职务: 经营经理

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber, WhatsApp, Wechat)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



MẪU BẢN DỊCH HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG SONG NGỮ VIỆT TRUNG

Điện thoại:

电话号码:

MST:

税号:

Tài khoản số:

账号:

Tại ngân hàng:

开户银行:

Fax:

传真:

经过协议, 讨论, 双方一致同意签订 ABC 有限公司新建厂房的土建工程施工合同, 本合同由: 施工图纸、厂房建筑施工合同、工程投标报价清单、工程各关键节点工期承诺表组成。合同各条如下:

Thông qua đàm phán, thảo luận, hai bên đi đến thống nhất ký kết hợp đồng thi công xây dựng dân dụng nhà máy mới CÔNG TY TNHH ABC, bản hợp đồng bao gồm: bản vẽ thi công, hợp đồng thi công xây dựng nhà máy, danh sách giá đầu thầu dự án, bản cam kết thời gian thực hiện các công việc chính của dự án. Các điều khoản hợp đồng như sau:

1、 工程内容: Nội dung công trình

甲方同意委托乙方按施工图纸在隆安省, 边沥县, 永禄 2 工业区承包施工 ABC 有限公司新建 8 万吨加工水产饲料厂房。钢结构和消防系统不在乙方承包工程之内。

Bên A đồng ý ủy thác cho Bên B bao thầu thi công nhà xưởng chế biến thức ăn thủy sản công suất 80.000 tấn của CÔNG TY TNHH ABC tại khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An theo bản vẽ thi công. Kết cấu thép và hệ thống phòng cháy chữa cháy không bao gồm trong bao thầu xây dựng của Bên B.

2、 合同价款 Giá hợp đồng

本合同价款采用固定总价方式。合同价格是完整价,包括各种能够让乙方根据合同和法律规定的税款完成所有建筑项目施工和取得政府部门建筑竣工验收证书的各项资费。

Giá hợp đồng dùng phương thức tổng giá trị hợp đồng cố định. Giá hợp đồng là giá tổng, bao gồm các loại thuế mà bên B phải đóng theo hợp đồng và quy định của pháp luật Việt Nam để hoàn thành thi công tất cả các hạng mục xây dựng và các loại chi phí để được cấp giấy phép nghiệm thu hoàn công xây dựng công trình của cơ quan nhà nước.

税前总价为: tổng giá trị trước thuế: 越南盾 đồng

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber, WhatsApp, Wechat)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



MẪU BẢN DỊCH HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG SONG NGỮ VIỆT TRUNG

增值税 10%: VAT 10%: 越南盾 đồng

合同总价为: tổng giá trị hợp đồng: 越南盾 đồng (大写: Bằng chữ: ./)

合同价款中包括的风险范围: 施工期间各类市场风险和国家政策性调整风险。风险费用的计算方法: 由乙方自行承担。

Phạm vi rủi ro trong giá trị hợp đồng bao gồm: các loại rủi ro thị trường trong thời gian thi công xây dựng và rủi ro điều chỉnh chính sách nhà nước. Phương thức tính chi phí rủi ro: do Bên B tự tiến hành.

风险范围以外合同价款调整方法:

Phương pháp điều chỉnh giá trị hợp đồng ngoài phạm vi rủi ro:

(1) 可调价格范围: 经甲方认可的工程变更、协商、合同中规定的其他金额。

Phạm vi giá cả có thể điều chỉnh: các khoản thay đổi, thương lượng về công trình, các giá trị quy định khác trong hợp đồng được sự chấp nhận của Bên A.

(2) 除上述调整范围外, 合同价一次性包干不予调整

Ngoài các phạm vi điều chỉnh trên, giá trị bao thầu trong hợp đồng là không thể thay đổi.

以下费用已包含在合同价款中, 不再另行增补:

Các chi phí sau đã bao gồm trong hợp đồng và không bổ sung thêm:

(1) 临时施工道路、临时围挡及临时设施等;

Làm đường thi công tạm thời, tường ngăn tạm thời và các thiết bị tạm thời...

(2) 施工用电、用水及相关的管道、电缆电箱等;

Làm đường ống, dây cáp, tủ điện... dùng trong việc cấp điện, cấp nước khi thi công

(3) 需完成图纸内施工内容所应采取的措施等;

Thực hiện các phương pháp cần thiết để hoàn thành nội dung bản vẽ thi công...

其它约定。

Các cam kết khác:

本工程采用固定综合价合同, 交工结算时仅调整变更、签证及合同中约定的其他调整条款, 除以上之外均不调整。乙方已经认真阅读图纸和相关资料, 对工程量清单数量及可能存在的缺项已进行补充。在施工过程中, 除非设计变更或合同中规定的其他增加调整项目, 对工程数量不予调整。

Công trình này áp dụng hợp đồng giá trị tổng hợp cố định, khi quyết toán thi công chỉ được điều chỉnh các điều khoản thay đổi, chứng thực và điều chỉnh các điều khoản cam kết khác trong hợp đồng, ngoài các điều nói trên thì không được điều chỉnh. Bên B xác nhận đã đọc kỹ bản vẽ và các tài liệu có liên quan, nắm rõ được danh sách số lượng hạng mục công trình và đã tiến hành bổ sung những hạng mục có thể thiếu sót. Trong quá trình thi công, ngoài vấn đề thay đổi thiết kế hoặc các hạng mục điều chỉnh tăng khác quy định trong hợp đồng, tất cả đều không được phép điều chỉnh số lượng công trình.

经双方确认, 固定综合报价已涵盖施工图纸范围内的所有内容, 后附工程量清单报价作为合同固定综合总价的分解和解释以及作为工程变更计价依据。本合同固定综合总价, 还包括但不限

MẪU BẢN DỊCH HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG SONG NGỮ VIỆT TRUNG

于以下相关费用：保修费、查验费、误工费、赶工费、环保措施费、不可预见费，以及其它履行本合同有关的各项成本与费用。

Thông qua xác nhận của hai bên, báo giá tổng hợp cố định đã bao gồm tất cả các nội dung trong bản vẽ thi công, bảng báo giá danh sách số lượng dự án đính kèm là giải thích tổng giá trị hợp đồng cố định và dùng làm căn cứ định giá thay đổi công trình. Tổng giá trị hợp đồng cố định bao gồm nhưng không giới hạn các chi phí liên quan sau: phí bảo trì, phí kiểm tra, phí dùng thi công, phí thi công gấp, phí thực thi biện pháp bảo vệ môi trường, chi phí không dự tính trước được và các loại phí, giá thành có liên quan đến thực hiện hợp đồng.

本工程组织措施项目费已在合同固定综合总价中考虑。包干组织措施费已包含完成本工程的国家安全文明施工有关规定，如技术、生活、安全等方面的非工程实体项目全部费用。

Các chi phí tổ chức thi công công trình đã được cân nhắc trong giá tổng hợp cố định hợp đồng. Chi phí thi công bao thầu đã bao gồm các chi phí phát sinh liên quan đến an toàn, văn minh xây dựng công trình theo quy định có liên quan, cũng như toàn bộ chi phí không liên quan đến công trình như kỹ thuật, sinh hoạt, an toàn ...

各项施工措施费，如（但不限于）施工组织措施费、赶工措施费、特殊条件下施工增加费、设备试车费等措施费，以及乙方自行考虑的费用，均已包含在合同固定综合总价中，竣工结算时不作调整。

Các loại chi phí phục vụ thi công như (nhưng không giới hạn) chi phí xây dựng của tổ chức thi công, chi phí tăng ca kịp tiến độ, chi phí tăng thêm, thiết bị, xe cộ trong hoàn cảnh đặc biệt, và các chi phí bên B tự cân nhắc; đã bao gồm trong tổng giá trị hợp đồng cố định, khi quyết toán không điều chỉnh thêm.

甲方供乙方的安装设备、材料的保管费，已经包含在合同固定综合总价中。结算时不作调整。

Chi phí lắp đặt thiết bị, bảo quản vật tư mà bên A cung cấp cho Bên B đã bao gồm trong tổng giá trị hợp đồng cố định. Khi quyết toán không điều chỉnh thêm.

乙方承认并应被视为已详细审阅、了解本合同及其图说附件，并经检视工程地点，已充分了解工程位置现状及地质等，对工程场地周围的环境、场地现状、可能发生的困难与风险已充分考虑，并反映到合同固定综合总价中。

Bên B xác nhận và được coi là đã xem kỹ lưỡng chi tiết hợp đồng, hiểu rõ hợp đồng và các bản vẽ phụ lục, đã tìm hiểu kỹ vị trí dự án, đã nắm bắt rõ vị trí và địa chất tại công trình, cân nhắc kỹ lưỡng hoàn cảnh, hiện trạng vị trí xung quang nơi thi công, hiện trạng mặt bằng, hiểu rõ các khó khăn, rủi ro có thể phát sinh và đã thể hiện trong tổng giá trị hợp đồng cố định.

乙方确认并同意本合同固定综合总价，乙方不得因工程所需的周转材料及设备价格的涨跌，或因与本合同施工有关的劳务成本及其它成本费用的增加为理由而要求调整，且不得以未充分了解成本因素而要求调整合同固定综合总价或请求额外补偿。

Bên B xác nhận và đồng ý tổng giá trị hợp đồng cố định, Bên B không được vì sự thay đổi giá nguyên liệu và thiết bị hoặc yếu tố nhân công sử dụng khi thi công hợp đồng này và những chi phí phát sinh khác làm lý do để yêu cầu điều chỉnh tổng giá trị hợp đồng cố định hoặc xin bồi thường.

3、工程款支付 Thanh toán tiền công trình

3.1 在合同签订生效后, 甲方在 10 日内按合同工程款的 10%向乙方支付工程预付款。

Sau khi hợp đồng ký kết có hiệu lực, trong vòng 10 ngày Bên A tạm ứng trước cho bên B 10% giá trị công trình trên giá trị hợp đồng.

MẪU BẢN DỊCH HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG SONG NGỮ VIỆT TRUNG

3.2 工程量的确认及过程工程款支付

Xác nhận khối lượng công trình thi công và thanh toán theo tiến độ công trình

3.2.1 乙方向甲方项目负责人提交已完工程量报告的时间：在每月 30 日工程完工进度形象，乙方需将已完工程量预算报表报送甲方。如乙方未按时报送工程量及预算报表，影响工程款支付的，由乙方自行负责。甲方应在 10 天内予以确认并完成拨付工程款。

Bên B báo cáo cho người phụ trách hạng mục của Bên A về thời gian số lượng dự án hoàn thành: Ngày 30 mỗi tháng dựa vào tình hình tiến độ hoàn thành dự án, Bên B phải nộp cho Bên A báo cáo dự toán dự án đã hoàn thành. Nếu Bên B không nộp báo cáo khối lượng dự án hoàn thành và bảng dự toán đúng thời hạn, ảnh hưởng đến việc thanh toán sẽ do bên B tự chịu trách nhiệm. Trong vòng 10 ngày Bên A phải xác nhận và hoàn thành việc giải ngân.

3.2.2 施工过程中每次支付的工程款为累计完成工程量预算表工程款的 80%减去累计已支付工程款（含首次预付工程款）。

Trong quá trình thi công, mỗi lần thanh toán tiền công trình là 80% khoản dự trừ ước lượng đã hoàn thành lũy kế trừ đi khoản tiền công trình đã thanh toán lũy kế (gồm cả tiền công trình tạm ứng đợt đầu)

3.2.3 付款资料:

Dữ liệu thanh toán

乙方有义务提交付款资料包括下列文件，作为甲方的付款基础:

Bên B có nghĩa vụ cung cấp dữ liệu thanh toán bao gồm các loại văn bản như sau, làm căn cứ thanh toán của Bên A:

通过甲方确认验收的工程量预算报表，结算合同规定的该批次的工程款。相应分期付款的请款单，相应分期付款的原本增值发票。

Thông qua bảng dự toán khối lượng công trình nghiệm thu do bên A xác nhận để quyết toán khoản tiền công trình từng đợt theo hợp đồng quy định. Đơn đề nghị thanh toán từng phần tương ứng, hóa đơn giá trị gia tăng gốc tương ứng với giá trị thanh toán.

4、语言文字和适用法律、标准及规范

Ngôn ngữ và pháp luật, tiêu chuẩn và quy phạm áp dụng

4.1 本合同除使用中越两种文字对照版，当中文与越南语言文字有不同解释时执行中文解释。

Hợp đồng này sử dụng hai ngôn ngữ tiếng Trung và tiếng Việt, trong trường hợp tiếng Trung và tiếng Việt không đồng nhất lấy tiếng Trung làm chuẩn.

4.2 对于同一类合同文件及工程过程中的往来函件，除非双方另有约定，以其最新版本或最新发布的为准。

Đối với các văn bản, và công văn qua lại trong quá trình xây dựng dự án của một hợp đồng, trừ khi hai bên có cam kết khác, thì lấy bản mới nhất hoặc phát hành gần nhất làm chuẩn.

4.3 适用标准、规范：适用国家现行的有关标准、规范，没有国家标准、规范但有行业标准、规范的，适用行业标准、规范；没有国家和行业标准、规范的，适用工程所在地地方标准、规范。

MẪU BẢN DỊCH HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG SONG NGỮ VIỆT TRUNG

Tiêu chuẩn, quy phạm áp dụng: áp dụng tiêu chuẩn, quy phạm có liên quan của nhà nước hiện hành, nếu không có tiêu chuẩn, quy phạm nhà nước nhưng có tiêu chuẩn, quy phạm của ngành thì sử dụng tiêu chuẩn, quy phạm của ngành; trường hợp không có tiêu chuẩn, quy phạm của nhà nước và ngành thì sử dụng tiêu chuẩn, quy phạm địa phương của dự án.

如果本合同约定的标准、规范、图纸、以及国家或地区发布的标准、规范之间出现歧义或矛盾时，质量要求、工艺标准按照以下原则选择：

Nếu tiêu chuẩn, quy phạm, bản vẽ trong hợp đồng và tiêu chuẩn, quy phạm của nhà nước hoặc địa phương có sự khác biệt, mâu thuẫn thì yêu cầu chất lượng, tiêu chuẩn công nghệ dựa vào nguyên tắc sau để lựa chọn:

(1) 如果图纸或本合同约定的工程建设标准中的质量要求、工艺标准低于国家、地区标准的，则按国家、地区标准执行；

Nếu yêu cầu chất lượng, tiêu chuẩn công nghệ trong bản vẽ hoặc quy định trong hợp đồng thấp hơn so với tiêu chuẩn công nghệ, yêu cầu chất lượng của nhà nước, địa phương thì lấy tiêu chuẩn của nhà nước, địa phương làm chuẩn.

(2) 如果图纸或本合同约定的工程建设标准中的质量要求、工艺标准高于国家、地区标准的，则按图纸或本合同约定的质量要求、工艺标准执行；

Nếu yêu cầu chất lượng, tiêu chuẩn công nghệ trong bản vẽ hoặc quy định trong hợp đồng cao hơn so với tiêu chuẩn công nghệ, yêu cầu chất lượng của nhà nước, địa phương thì lấy yêu cầu chất lượng, tiêu chuẩn công nghệ của bản vẽ hoặc hợp đồng quy định làm chuẩn.

(3) 如果图纸中的质量要求、工艺标准与本合同约定的标准、规范出现矛盾或歧义的，在满足国家、地区标准的基础上按本合同约定的标准、规范执行，甲方提供标准、规范的时间：甲方不负责提供国家现行的有关标准、规范，甲方内部标准在开工前提供。

Nếu yêu cầu chất lượng, tiêu chuẩn công nghệ trong bản vẽ hoặc quy phạm trong hợp đồng quy định có mâu thuẫn hoặc khác biệt, trên cơ sở đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia, địa phương để đáp ứng tiêu chuẩn, quy phạm quy định trong hợp đồng, thời gian Bên A cung cấp tiêu chuẩn, quy phạm: Bên A không phụ trách cung cấp tiêu chuẩn, quy phạm có liên quan của nhà nước hiện hành, tiêu chuẩn nội bộ được Bên A cung cấp trước khi khởi công.

国内没有相应标准、规范时的约定：乙方按甲方提出的施工技术要求和指定的时间提出施工工艺，经甲方认可后执行。

Khi nhà nước không có quy định về tiêu chuẩn, quy phạm tương quan: bên B dựa vào yêu cầu kỹ thuật thi công của Bên A và thời gian chỉ định đưa ra công nghệ thi công, thông qua xác nhận của Bên A tiến hành.

5、施工图纸： 甲方在开工前提供全套施工图叁套给乙方

Bản vẽ thi công: bên A cung cấp cho bên B ba bộ bản vẽ thi công hoàn chỉnh trước khi thi công.

6.双方一般权利和义务

Quyền lợi và nghĩa vụ hai bên:

6.1 甲方项目负责人的职权:

Thẩm quyền của người phụ trách hạng mục Bên A:

MẪU BẢN DỊCH HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG SONG NGỮ VIỆT TRUNG

作为甲方的代表，在工程施工过程中对乙方进行全面的监督管理和协调工作，直接的控制管理包括：质量管理、进度管理、投资管理、合同管理、信息管理和各方协调工作，监督施工单位对工程施工进行科学管理及安全文明施工，并根据乙方的履约情况，有充分的义务和权利对乙方签署各类通知，负责办理设计变更、协商、现场签证、工程结算等的内部审批手续。甲方的一般指令,经甲方代表签署后生效，并以书面形式传递给乙方项目经理。如涉及对合同的任何修订、重大的设计变更及增加工程、工程进度款的支付、工程结算款的审定等，需要另外获得甲方公司负责人的书面签署。

Là đại diện của Bên A, tiến hành quản lý giám sát toàn diện và thương thảo với Bên B trong quá trình xây dựng dự án, quản lý trực tiếp bao gồm: quản lý chất lượng, quản lý tiến độ, quản lý đầu tư, quản lý hợp đồng, quản lý thông tin và công tác điều tiết các mặt, giám sát đơn vị thi công tiến hành quản lý khoa học và thi công an toàn các công trình dự án, căn cứ vào tình hình thực hiện dự án của Bên B, có quyền lợi và nghĩa vụ ký các thông báo, phụ trách các thủ tục phê chuẩn như thay đổi thiết kế, đàm phán, ký kết tại chỗ, thủ tục kiểm tra quyết toán dự án nội bộ.... Những yêu cầu của Bên A thường có hiệu lực khi đại diện của Bên A ký bằng văn bản giao cho người quản lý dự án bên B. Nếu có bất kỳ sửa chữa, thay đổi lớn nào về thiết kế, tăng thêm dự án, thanh toán tiến độ dự án, quyết toán dự án cần được người phụ trách công ty Bên A thực hiện bằng văn bản.

需要取得甲方批准才能行使的职权：工程款拨付、各项工程变更洽商的确认及重大质量、进度、安全问题的处理权。

Quyền hạn yêu cầu phải có phê chuẩn của Bên A mới được sử dụng: quyền phân bổ khoản thanh toán dự án, đàm phán các thay đổi dự án, các vấn đề quan trọng về chất lượng, tiến độ, an toàn.

6.2 甲方项目负责人 người phụ trách hạng mục bên A

姓名: **ông** 职务: **总经理**; chức vụ: **Tổng giám đốc**

6.3 乙方项目经理 Giám đốc hạng mục bên B

姓名: **ông** 职务: **项目经理**; chức vụ: **Giám đốc hạng mục**

乙方项目经理处理项目有关的业务，代表乙方行使合同约定的权力，履行合同约定的职责。项目经理在本合同工程施工期间（包括准备和收尾阶段），均须专职在岗，不得兼任其他项目任何职务，如人员安排需要变更，必须提前一周书面通知甲方并经书面同意方可执行。

Giám đốc hạng mục Bên B giải quyết nghiệp vụ liên quan đến hạng mục, đại diện Bên B thực hiện quyền lợi và trách nhiệm theo quy định hợp đồng. Giám đốc hạng mục trong thời gian thi công dự án (bao gồm cả giai đoạn chuẩn bị và giai đoạn kết thúc), yêu cầu chuyên trách tại vị (một vị trí), không được kiêm nhiệm bất cứ chức vụ nào của hạng mục khác, nếu cần thay đổi nhân sự, phải thông báo Bên A bằng

MẪU BẢN DỊCH HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG SONG NGỮ VIỆT TRUNG

văn bản trước một tuần và phải được sự đồng ý bằng văn bản mới được tiến hành.

6.4 乙方项目管理人员:Người quản lý hạng mục bên B

姓名: Họ tên: 职务: 指挥长 Chức vụ: **Chỉ huy trưởng**

乙方必须委派至少一名熟练掌握华语和越南文的项目管理人员用全部工作时间在本合同项目建筑工地, 及时准确翻译双方需要沟通的内容, 乙方所提交给甲方的文书要有中越两种文本。授权 做为乙方代表, 代表乙方开展施工现场协调和管理工作, 签收甲方现场发出的工程变更等各种文书, 乙方的要求、通知, 均以书面形式由项目管理人员签字后交甲方。

Bên B phải cử ít nhất một người giỏi tiếng Trung và tiếng Việt để dùng toàn bộ thời gian công tác tại nơi xây dựng quản lý nhân viên, kịp thời dịch chính xác các nội dung yêu cầu của hai bên, các văn bản Bên B giao cho bên A phải bằng hai thứ tiếng Trung và Tiếng Việt. Ủy quyền ông làm đại diện Bên B, đại diện Bên B tiến hành công tác điều tiết và quản lý tại công trình, nhận các văn bản của Bên A tại công trường; các yêu cầu, thông báo của bên B phải được người quản lý dự án ký tên mới chuyển cho bên A.

乙方以下人员, 经甲方要求, 必须在 24 小时内调离本工程范围, 否则, 乙方按每天每人向甲方赔偿现场管理损失费贰佰万越盾。同时乙方应尽快用甲方批准的合格的人员代替上述调离的任何人员。

Các nhân viên của Bên B sau đây, theo yêu cầu của Bên A, phải rời khỏi phạm vi công trình trong vòng 24 tiếng, nếu không bên B phải bồi thường cho bên A mỗi ngày mỗi người 2.000.000VNĐ phí tổn thất quản lý công trường. Đồng thời bên B phải nhanh chóng điều động nhân sự đã được Bên A phê chuẩn để thay thế người điều chuyển đi.

(1) 甲方确认无法胜任工作者, 包括对局部单项工程进度及施工质量达不到合同要求负有责任的施工人员、不熟悉熟练本专业工作的施工人员、工作责任心不强的施工人员等。

Người mà bên A nhận thấy không thể tin cậy, bao gồm công nhân thi công không đạt yêu cầu về tiến độ và chất lượng công trình, công nhân thi công không thạo chuyên môn, công nhân thi công không có tinh thần trách nhiệm....

(2) 不能积极配合甲方正常工作者。

Người không nhiệt tình phối hợp công việc cùng Bên A.

(3) 违反甲方或乙方工地现场管理规定者。

Người vi phạm quy định quản lý của bên A hoặc Bên B tại công trường

(4) 无证上岗者 (适用于按规定必须有上岗证)。

Người không có thẻ (áp dụng cho trường hợp phải có thẻ theo quy định)

(5) 与本工程施工无关的人员。

MẪU BẢN DỊCH HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG SÔNG NGŨ VIỆT TRUNG

Người không có liên quan đến dự án

7、甲方工作 **Công việc của Bên A**

7.1 甲方应按约定的时间和要求完成以下工作:

Bên A phải căn cứ vào thời gian và yêu cầu dự tính hoàn thành các công việc sau:

(1) 施工场地具备施工条件的要求及完成的时间: 已经具备施工条件。

Yêu cầu điều kiện thi công và thời gian hoàn thành: đã ghi rõ điều kiện thi công cụ thể

(2) 将施工所需的市政主管水、电线接至施工场地边。乙方自行提供安装施工用电表、电线和电力开关和水表以后的施工、生活用水管道。

Thi công cần cấp điện và cấp nước nối từ đường ống nước chính và dây điện của nhà nước vào khu vực thi công. Bên B tự lắp đặt đồng hồ điện thi công, dây điện, công tắc nguồn và đồng hồ nước, ống nước sinh hoạt.

(3) 施工场地与公共道路的通道开通时间和要求: 甲方提供施工主路至乙方场区门口, 场区内施工道路由乙方自行修建并承担费用。

Yêu cầu và thời gian mở đoạn đường thông suốt giữa đường giao thông công cộng với nơi thi công: bên A cung cấp đường thi công chính đến cửa khu vực Bên B thi công, đường thi công bên trong do bên B tự làm và tự chịu chi phí.

(4) 工程地质和地下管线资料的提供时间: 开工前由甲方提供给乙方。

Thời gian cung cấp các tư liệu về địa chất công trình và hệ thống ống ngầm: trước khi khởi công bên A cung cấp cho Bên B.

(5) 由甲方办理的施工所需证件、批件名称和完成时间: 开工前。

Thời gian hoàn thành giấy tờ công văn phê chuẩn cần thiết trong thi công do bên A xử lý: trước khi thi công

(6) 水准点与坐标控制点交验要求: 签订施工合同协议书一周内由双方现场交验。

Yêu cầu nghiệm thu chéo về điểm chuẩn và phạm vi kiểm soát: trong vòng một tuần sau khi ký hợp đồng thi công hai bên sẽ nghiệm thu chéo tại công trường.

(6) 图纸会审和设计交底时间: 签订施工合同协议书五天内;

Thời gian bàn giao thiết kế và phê chuẩn bản vẽ: trong vòng 5 ngày sau khi ký kết thỏa thuận hợp đồng thi công.

(8) 协调处理施工场地周围地下管线, 乙方负责做好保护工作, 因乙方造成损坏的, 损失费用由乙方承担。

Phối hợp xử lý ống ngầm xung quanh công trường thi công, Bên B có trách nhiệm làm tốt công tác bảo quản, các chi phí tổn thất Bên B tạo thành sẽ do Bên B chịu.

7.2 甲方委托乙方办理的工作: 届时由甲方委托.

Công việc Bên A ủy thác cho Bên B làm: tạm thời do bên A ủy thác

8、乙方工作 **Công việc Bên B**

8.1 乙方应按约定的时间和要求, 完成以下工作:

Bên B dựa vào thời gian và yêu cầu quy định trong hợp đồng, hoàn thành các công việc sau:

(1) 应提供计划、报表的名称及完成时间:

Cung cấp kế hoạch, tên báo cáo và thời gian hoàn thành.

MẪU BẢN DỊCH HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG SONG NGỮ VIỆT TRUNG

签订合同两周内，乙方根据项目的工期总目标，编制项目计划进度、施工组织设计和材料（设备）进场计划表。

Trong vòng 2 tuần sau khi kí hợp đồng, bên B căn cứ vào mục tiêu thời gian thi công hạng mục, đề ra tiến độ kế hoạch thi công, thiết kế tổ chức thi công và lịch trình đưa nguyên liệu (thiết bị) vào công trường.

当工程的进展不符合进度计划时，甲方可要求乙方修改计划。但是，除非另行签订协议，任何计划的修改都不得造成完成期限的延误。因进度计划修改造成的费用增加由乙方承担（包括材料市场价格的上漲）。

Khi tiến độ của dự án không phù hợp tiến độ kế hoạch, bên A có thể yêu cầu bên B chỉnh sửa kế hoạch. Nhưng, trừ khi có thỏa thuận kí kết khác, bất kì thay đổi kế hoạch nào cũng không được phép dẫn đến chậm trễ thời hạn hoàn thành. Các chi phí tăng lên do nguyên nhân chỉnh sửa kế hoạch do bên B tự chịu (bao gồm sự tăng giá của thị trường nguyên vật liệu)

乙方应根据甲方要求每周一、每月 25 日向甲方提交周、月进度计划和周、月进度报告，一式三份。乙方在月进度报告中须写入对进度延误（如有）的原因分析和加快进度的具体措施。

Bên B căn cứ vào yêu cầu của bên A, vào ngày thứ hai hàng tuần, ngày 25 hàng tháng nộp báo cáo tiến độ tuần và tháng cho bên A, mỗi bộ 3 bản. Trong báo cáo tiến độ tháng bên B bắt buộc phải phân tích nguyên nhân chậm trễ tiến độ (nếu có) và nêu cụ thể phương án đẩy nhanh tiến độ.

乙方应保证按照本合同所述的工程建设进度目标进行施工组织并负责协调有关承包项目的进度，根据本合同确定的工程进度计划表应按工程的实际进展情况每月更新一次。

Bên B phải đảm bảo việc thực hiện tổ chức thi công xây dựng phù hợp với mục tiêu tiến độ xây dựng của bản hợp đồng này và phụ trách phối hợp với tiến độ dự án thầu có liên quan, căn cứ vào bảng kế hoạch tiến độ của công trình đã xác nhận trên hợp đồng này, mỗi tháng cập nhật tình hình tiến triển thực tế của công trình một lần;

(2) 承担施工安全保卫工作及夜间施工照明的责任和要求:

Đảm bảo an toàn thi công và phụ trách về công việc ánh sáng thi công ban đêm khi có yêu cầu

负责承包项目的施工安全和保障施工人员权益，负责在工程上的全部工人和设备的安全管理。在该合同项目施工过程中，乙方有责任负责技术、电器安全、和周围的消防火灾风险。按照现行的越南法律法规的要求给工地管理和施工的全体人员购买保险，装备齐全劳动保护工具。

Chịu trách nhiệm đảm bảo lợi ích nhân viên thi công và an toàn thi công dự án, chịu trách nhiệm quản lý an toàn toàn bộ máy móc thiết bị và công nhân trên công trình. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thi công, bên B có trách nhiệm phụ trách kỹ thuật, an toàn điện, và các rủi ro về hỏa hạn, phòng cháy chữa cháy xung quanh. Theo quy định của pháp luật Việt Nam tiến hành mua bảo hiểm cho quản lý công trình và toàn bộ nhân viên, trang bị công cụ bảo hộ lao động.

乙方应于工程地点明显位置，设置具有警示作用的装置，或加防护设施；对于工地附近建筑、路面、沟渠、水电及通讯管线、林木植物及人民生命财产者的安全均应预为防范；

Bên B phải có biện pháp tách biệt rõ các khu vực tại công trường vào từng việc cụ thể & phải có biện pháp dự phòng bảo vệ; đối với các công trình kiến trúc gần đó, mặt đường, cầu cống, điện nước và các đường ống thông tin, cây cối thực vật và an toàn tính mạng tài sản người dân phải nằm trong phạm vi dự

MẪU BẢN DỊCH HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG SÔNG NGŨ VIỆT TRUNG

phòng.

如乙方未履行自己的职责致使现场或临界，发生安全事故或致使甲方遭受经济损失的，对于甲方因此受到的经济损失，乙方应当承担赔偿责任。甲方有权在支付乙方工程款时将该赔偿金扣除；

Nếu Bên B không thực hiện tốt chức trách của mình dẫn đến hiện trường hoặc khu vực lân cận phát sinh sự cố an toàn hoặc dẫn đến sự tổn thất của Bên A, đối với những tổn thất kinh tế mà Bên A phải gánh chịu, Bên B phải có trách nhiệm bồi thường. Bên A có quyền khấu trừ khoản bồi thường này trong giá trị công trình của Bên B.

乙方应服从甲方对施工现场安全施工方面的监管。如甲方发现乙方工作中的安全措施、设施不符合国家、地方、行业及本合同的有关规定，将书面通知要求乙方限期整改，当乙方不能按期满足要求时，甲方有权自行安排第三方进行该项整改，所发生的费用由甲方直接从乙方的工程款中扣除，不再另行书面通知。

Bên B phục tùng sự quản lý về mặt thi công an toàn ở hiện trường thi công của bên A. Nếu Bên A phát hiện biện pháp an toàn, các thiết bị an toàn trong công tác thi công của Bên B không phù hợp quy định liên quan của Nhà nước, của ngành và những quy định liên quan trong hợp đồng, thì sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B chỉnh sửa trong thời gian quy định, khi Bên B không thể đáp ứng yêu cầu chỉnh sửa đúng thời hạn, Bên A có quyền tự sắp xếp cho bên thứ ba tiến hành việc chỉnh sửa này, mọi chi phí phát sinh Bên A sẽ trực tiếp khấu trừ trong giá trị công trình của Bên B, và không cần ra thông báo khác bằng văn bản.

(3) 乙方负责的有关施工场地交通、环卫、施工噪音管理、遵守当地政府有关主管部门对施工场地交通、施工噪音以及环境保护和安全生产等的管理规定。

Bên B chịu trách nhiệm về thi công đường giao thông, vệ sinh môi trường, quản lý tiếng ồn, tuân thủ những quy định quản lý nghiêm ngặt về giao thông công trình, tiếng ồn thi công và bảo vệ môi trường, sản xuất an toàn tại hiện trường thi công của các cơ quan ban ngành Nhà nước địa phương.

(4) 施工过程中，因乙方责任造成的罚款，有关部门需甲方解决的，经协调乙方拒不执行的，由甲方代为支付，并从乙方工程款中扣除。

Trong quá trình thi công, vì trách nhiệm của Bên B mà phát sinh phạt tiền, cơ quan liên quan cần Bên A giải quyết, thông qua thỏa thuận và Bên B từ chối không chấp hành, do Bên A đại diện thanh toán trước, thì sẽ khấu trừ trong giá trị công trình của Bên B.

(5) 已完工程成品保护的特殊要求及费用承担：已竣工工程未交付甲方之前，乙方负责已完工程的成品保护工作。房门、铝合金门窗、各种水电设施等相关的承包的项目，如因乙方原因损坏的，乙方承担责任。

Chi phí yêu cầu đặc thù về bảo vệ thành phẩm công trình đã hoàn thành và chi phí gánh vác: công trình đã hoàn công trước khi chưa bàn giao cho Bên A, Bên B phải chịu trách nhiệm về công tác bảo vệ thành phẩm công trình đã hoàn thành đó. Cửa phòng, các cửa sổ nhôm hợp kim, các thiết bị điện, nước và các hạng mục nhận thầu liên quan, nếu do nguyên nhân Bên B dẫn đến tổn hại, thì Bên B phải tự chịu trách nhiệm.

(6) 在此期间，如发生供水、供电等项目的施工调试，乙方应积极协调配合。

Trong thời gian này, nếu có phát sinh các vấn đề về hạng mục vận hành thi công cung cấp điện, nước, bên B phải nhanh chóng phối hợp.

MẪU BẢN DỊCH HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG SONG NGỮ VIỆT TRUNG

(7) 在此期间如乙方对已完工程造成损坏, 乙方应自费予以修复, 并承担由此造成的损失;

Trong thời gian này, nếu bên B tự gây nên các tổn hại đối với công trình đã hoàn thành, bên B phải tự bỏ chi phí khắc phục, sửa chữa đồng thời chịu trách nhiệm về mọi tổn thất gây ra;

(9) 乙方在交付前, 须积极按照甲方要求配合外墙、外窗、卫生间、屋面淋水闭水试验等各项检查和验收工作。

Bên B trước khi bàn giao, cần phải tích cực kiểm tra & thử nghiệm tưới nước các công trình tường ngoài, cửa sổ ngoài, phòng vệ sinh, các mặt cửa tòa nhà theo yêu cầu của Bên A

(10) 施工场地周围地下管线和临近建筑物、构筑物(含文物保护单位)、古树名木的保护要求及费用承担: 乙方负责根据甲方提供的相关资料及保护要求, 采取有效的保护措施做好保护工作, 并承担由于未做好保护工作造成的损失和罚款等费用。

Các đường ống dưới đất và các công trình xây dựng, vật kiến trúc xung quanh (bao gồm xây dựng bảo vệ các sản phẩm văn hóa); yêu cầu và chi phí gánh vác về phần bảo vệ các cây gỗ quý; Bên B chịu trách nhiệm căn cứ những hồ sơ liên quan do Bên A cung cấp và yêu cầu bảo vệ, sử dụng các biện pháp bảo hộ hữu hiệu để làm tốt công tác bảo vệ và gánh vác mọi tổn thất gây nên do chưa làm tốt công tác bảo vệ và các khoản tiền phạt phát sinh.

(11) 施工承担清洁卫生的要求:

Yêu cầu về đảm nhận vệ sinh thi công:

按工业园区等有关管理部门规定办; 做好文明施工, 保持场地整洁卫生所发生费用由乙方承担。

Căn cứ theo quy định của khu công nghiệp và quy định của các cơ quan quản lý có liên quan để tiến hành; làm tốt việc thi công văn minh, giữ vệ sinh công trường và mọi chi phí phát sinh do Bên B gánh chịu.

(12) 双方约定乙方应做的其它工作: 乙方在施工过程中必须履行甲方提出的变更要求, 费用按照报价书中综合单价及实际工程量计算; 在工程未竣工期间应接受甲方提出的不影响结构安全的变更要求。

Hai bên thỏa thuận những công tác khác mà Bên B phải thực hiện; Bên B trong quá trình thi công cần phải thực hiện tốt những yêu cầu thay đổi do Bên A đề ra, chi phí căn cứ theo đơn giá tổng hợp trong bảng báo giá và khối lượng thực tế để tính toán; trong thời gian công trình chưa hoàn công bàn giao thì bên B phải tuân thủ theo những thay đổi không ảnh hưởng đến an toàn kết cấu do Bên A đề xuất.

(13) 乙方应充分了解其它项目工程施工已存在的或潜在对本项目的破坏因素, 乙方应采取切实的保护措施, 防止本项目遭到破坏。同时, 乙方应充分了解本项目工程施工对其它市政公用管线已存在的、或潜在的破坏因素, 并要求本项目工程管理和施工人员采取切实的保护措施, 防止因本项目工程施工而破坏其它市政公用管线。

Bên B cần hiểu rõ những nhân tố có thể làm hư hại đã tồn tại ở các công trình thi công khác hoặc những nhân tố hư hại đang tiềm ẩn đối với công trình này, Bên B phải áp dụng những biện pháp bảo vệ thiết thực nhất, phòng tránh công trình bị gặp sự cố. Đồng thời, Bên B phải hiểu rõ

MẪU BẢN DỊCH HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG SONG NGỮ VIỆT TRUNG

những nhân tố phá hoại đang tồn tại hoặc tiềm ẩn khi thi công công trình này trên đường ống chung của nhà nước, và yêu cầu các nhân viên quản lý và thi công công trình này áp dụng những biện pháp bảo vệ thiết thực nhất, phòng tránh do thi công công trình này mà phá hỏng những đường ống chung khác của Nhà nước.

(14) 按照建筑设计图纸及专业设计图纸要求, 完成所有各分项工程; 含主车间楼板钢筋混凝土及楼板面钢板预埋件、钢柱钢梁围钢丝网批水泥砂浆、所有仓库及主车间与钢柱连接的预埋螺栓及钢板, 包含截断移走桩超出承台部分和接桩; 包含基础工程深基坑支护工程及安全围护措施; 包含排水及防雨措施、围墙工程、门卫室及大门、门牌工程。低压柜开关后电气安装工程 (含电缆); 弱电线缆放设至总箱; 市政自来水总管表后的给水工程; 排水排污工程完成接到工业园区内的排水、排污管网中; 按设计图纸完成厂区内的各种检查井、雨水井、化粪池工程; 设备设施土建部分基础工程。其余工程内容详见施工图和设备设施土建部分施工图 (含所有建筑物的门窗工程)

Căn cứ yêu cầu bản vẽ thiết kế xây dựng và bản vẽ thiết kế chuyên môn để hoàn thành các hạng mục công trình; Bao gồm phần bê tông cốt thép nhà xưởng chính và các kết cấu chôn sẵn, thép vây trụ chính và đồ vữa lưới thép, phần bù lon và tấm thép được chôn kết nối chung của nhà xưởng và nhà kho, bao gồm phần trụ đỡ và nối cọc, cắt bỏ và di chuyển phần cọc dư thừa; bao gồm khoản thanh toán công trình nền móng sâu dưới đất và công tác phòng hộ an toàn xung quanh; Bao gồm biện pháp thoát nước và chống mưa, công trình tường rào, phòng bảo vệ và cổng chính, bảng hiệu công trình. Công trình lắp đặt tụ điện ngầm (bao gồm cáp điện); dây cáp điện nhánh dẫn đến tủ điện tổng. Công trình cấp nước từ đồng hồ nước tổng của nhà nước; Công trình thoát nước, thoát chất thải nối đến mạng lưới thoát nước, thoát chất thải chung của khu công nghiệp; căn cứ theo bản vẽ thiết kế để hoàn thành các hạng mục trong xưởng như giếng kiểm tra, giếng nước mưa, công trình bê tông cốt thép; công trình nền móng phần xây dựng trang thiết bị và cơ sở vật chất. Nội dung công trình còn lại xem chi tiết trên bản vẽ thi công và bản vẽ thi công phần xây dựng dân dụng trang thiết bị, cơ sở vật chất. (bao gồm toàn bộ công trình cửa ra vào và cửa sổ)

9、施工组织设计和工期 组织机构设计 设计施工和施工时间

9.1 进度计划 计划进度

(1) 乙方提供施工组织设计 (施工方案) 和进度计划的时间: 不迟于开工前 7 日。

图纸会审完成 7 日内完成施工组织设计和施工总进度计划的编制, 并提交甲方核定与本工程各项工作及目标有关的详细工程进度时间表, 显示每一细部工程项目的预计开工日期与竣工期限、具体施工方法、人力资源配置、设备配置等信息。

Bên B cung cấp tổ chức thiết kế thi công (phương án thi công) và thời gian tiến độ kế hoạch thi công: Không trễ hơn 7 ngày trước khi khởi công.

Sau khi kiểm duyệt bản vẽ thi công, trong vòng 7 ngày phải hoàn thành việc tổ chức thiết kế, thi công và lên tiến độ thi công tổng thể nộp cho bên A thẩm định với nội dung gồm tên các hạng mục công trình và bảng tiến độ mục tiêu thời gian công trình chi tiết, thể hiện ngày bắt đầu dự án của mỗi hạng mục công trình và thời hạn hoàn công, phương pháp thi công cụ thể, bố trí nhân lực, bố trí máy móc, thiết bị...

乙方应每周一送交甲方一份工作周报表, 包括本工程各分项工程的最新进度时间表, 说明每

MẪU BẢN DỊCH HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG SONG NGỮ VIỆT TRUNG

项工作的现状、完工率、预计完工日期。如有迟延者，应说明其迟延原因与乙方赶工计划。

Mỗi tuần bên B phải nộp cho bên A bảng báo cáo công việc, bao gồm bảng tiến độ mới nhất của các hạng mục con trong công trình này, nêu rõ hiện trạng của từng hạng mục công việc, tỷ lệ hoàn thành, thời gian dự kiến hoàn thành. Nếu có chậm trễ, phải nói rõ nguyên nhân chậm trễ và kế hoạch hoàn thành nhanh nhất.

凡因天气气候或其它因素致无法如期施工，乙方应无条件以夜工或其它方式赶工弥补，在任何情况下不得延长施工期限，且甲方可以视需要，随时通知乙方增加工作人员及设备赶工，乙方不得拒绝。

Trường hợp do khí hậu, thời tiết hoặc các nhân tố khác dẫn đến không thi công đúng tiến độ, bên B phải vô điều kiện sắp xếp làm ban đêm hoặc dùng các phương thức khác để bổ sung nhanh nhất tiến độ hoàn thành, trong bất kì trường hợp nào cũng không cho phép kéo dài thời hạn thi công, và bất cứ khi nào bên A có yêu cầu và thông báo cho bên B tăng cường số lượng nhân viên và thiết bị để hoàn thành gấp dự án bên B đều không được từ chối.

甲方项目负责人确认时间：收到乙方提供的相应资料后七天内。

Thời gian xác nhận người phụ trách dự án của bên A : trong vòng 7 ngày sau khi nhận được dữ liệu mà bên B cung cấp.

(3) 群体工程中有关进度计划的要求：乙方在接到甲方发出的《开工通知书》之日起七天内根据合同工期制定详细的进度计划。

Yêu cầu tiến độ kế hoạch đối với nhóm công trình có liên quan: sau khi bên B nhận được thông báo khởi công của bên A (thông báo khởi công bằng văn bản), trong vòng 7 ngày, căn cứ vào thời hạn của hợp đồng để xây dựng kế hoạch tiến độ chi tiết.

9.2 工期管理 Quản lý thời gian

9.2.1 下述原因造成的停工，工期不予顺延，由此引起的乙方自身的损失均由乙方承担：

Các nguyên nhân bên dưới dẫn đến dừng thi công, không được gia hạn thời gian, các thiệt hại và tổn thất của bên B do bên B tự chịu:

(1) 如遇阴、雾、6级以下大风、高低温天气、停水停电不超过4小时、中高考期间、节假日等因素。

Trời âm u, sương mù, gió lớn dưới cấp 6, nhiệt độ thời tiết cao thấp, mất điện mất nước dưới 4 tiếng đồng hồ, kì thi trung học, đại học, ngày lễ và các nhân tố khác.

(2) 因乙方失误或违约引起的停工；

Do lỗi hoặc vi phạm của bên B dẫn đến dừng thi công

(3) 由于工程场地或其周围气候条件引起的停工；

Do điều kiện khí hậu tại hiện trường công trình hoặc khu vực xung quanh ảnh hưởng dẫn đến dừng thi công

(4) 为工程合理施工和保证安全所必须的停工；

Bắt buộc dừng thi công để đảm bảo an toàn công trình và thi công hợp lý

(5) 乙方未得到甲方许可而擅自停工；

Bên B tự ý dừng thi công khi chưa được sự đồng ý của bên A;

(6) 施工引起的火灾及其它非甲方引起的施工矛盾等情况；

Hỏa hoạn do thi công gây nên và các tình huống mâu thuẫn khác trong thi công không phải do bên A

DỊCH THUẬT SMS

[Dịch thuật tiếng Anh](#) | [Dịch thuật tiếng Hoa](#) | [Dịch thuật tiếng Nhật](#)
[Dịch thuật tiếng Hàn](#) | [Dịch thuật website](#) | [Dịch tài liệu kỹ thuật](#)
[Dịch thuật video](#) | [Thu âm lồng tiếng đa ngôn ngữ](#) | [Chèn phụ đề đa ngôn ngữ](#)

Liên hệ: **0934.436.040** (Zalo, Viber, WhatsApp, Wechat)

✉ baogia@dichthuatsms.com | www.dichthuatsms.com



MẪU BẢN DỊCH HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG SONG NGỮ VIỆT TRUNG

- Đây là **bản xem trước**, chỉ thể hiện **50%** tài liệu.
 - **ĐẶT MUA** và **thanh toán** tại www.dichthuatsms.com
để nhận **file word** đầy đủ ngay lập tức.
 - Hoặc **GỬI YÊU CẦU DỊCH THUẬT** cho tài liệu của bạn.
-
- Liên hệ **0934.436.040** (Zalo, Viber) để hỗ trợ ngay.